TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 8 năm 2018
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Khuyên

Ông Trần Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại P Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị P Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 269/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B(tên gọi khác: P), sinh năm 1957

Nơi cư trú: Thôn Phú Thụ, xã H, Lập Thạch, Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đông, sinh năm 1958

Nơi cư trú: Thôn Phú Thụ, xã H, Lập Thạch, Vĩnh Phúc, vắng mặt.

Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1982,

2. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986,

3. Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1980,

4. Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1989,

Đều cư trú: Thôn Phú Thụ, xã H, Lập Thạch, Vĩnh Phúc, vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1951

6. Bà Ngô Thị T, sinh năm 1954

Đều cư trú: Thôn Phú Thụ, xã H, Lập Thạch, Vĩnh Phúc, vắng mặt.

5. UBND xã H:

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị M – Chủ tịch UBND xã

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T – Phó chủ tịch UBND xã H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 07/12/2017 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Btrình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn Đkết hôn ngày 28/10/1979, trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Sau khi kết hôn bà và ông Đở tại khu tập thể của Cơ quan. Tháng 7/1981 ông Đđi lao động ở Liên Xô, đến tháng 7/1987 ông Đvề nước. Trong thời gian ông Đlao động ở Liên Xô, bà vẫn ở khu tập thể. Khoảng năm 1990 – 1991 vợ chồng bà mua đất ở thôn Phú Thụ, xã H và chuyển về quê sinh sống. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn từ năm 1987, nguyên nhân do trong thời gian ông Đở Liên Xô đã có quan hệ bất chính với người phụ nữ tên là Huệ và có con với nhau, đã có lần đưa con đến nhà mẹ đẻ ông Đông. Sau khi xảy ra sự việc đó, vợ chồng vẫn chung sống với nhau nH tình cảm không còn, ông Đcất giấu tiền bạc riêng, mỗi khi uống rượu ông Đlại đánh bà, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Năm 2009, bà bỏ ra ở riêng, bà và ông Đđã ly thân cho đến nay. Năm 2015 bà đã gửi đơn ly hôn đến Tòa án nH Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xử bác đơn xin ly hôn của bà, nH sau đó vợ chồng cũng không cải thiện được tình cảm. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đông.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đvắng mặt tại phiên tòa nH trong bản tự khai ngày 20/12/2017 và biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ trình bày:

Ông cũng xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn như bà Btrình bày là đúng. Còn nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Bghen tuông vô cớ nên bà đã tự ý bỏ nhà lên ở trên quán. Nay bà Bkiên quyết ly hôn, ông cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm, ông nhất trí ly hôn.

Về con chung: Bà Bvà ông Đcùng xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Trung T, sinh ngày 15/5/1980; Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 21/3/1982; Nguyễn Trung H, sinh ngày 10/9/1989. Hiện nay, cả ba cháu đã trưởng T và có gia đình riêng. Ly hôn, bà Bvà ông Đkhông đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Bà Bvà ông Đxác nhận vợ chồng có những tài sản chung như sau: Thửa đất số 95, tờ bản đồ 06 diện tích trong bìa đỏ là 600m^2 trên đất có các tài sản 01 nhà cấp 4, 01 giếng đào, tường bao loan ở thôn Phú Thụ xã H, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn Đông; thửa đất số 454, tờ bản đồ 04, diện tích trong bìa đỏ là 216m^2 trên đất có 01 nhà cấp 4 do vợ chồng và vợ chồng anh H (con trai bà Bình, ông Đông) xây dựng và có 01 quán do vợ chồng ông, bà xây dựng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn Đở thôn Phú Thụ xã H; thửa đất số 43, tờ bản đồ số 04, diện tích 100m^2, ở thôn Phú Thụ xã H, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị Bình; thửa đất số 44, tờ bản đồ số 04, diện tích 100m^2 ở thôn Phú Thụ xã H, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn M (anh trai ông Đông).

Ly hôn, hai bên thỏa thuận đề nghị như sau: Bà Bsử dụng, sở hữu, quản lý thửa đất số 454, tờ bản đồ 04, diện tích 216m^2 ở thôn Phú Thụ, xã H trên đất có 01 nhà cấp 4 do và vợ chồng anh H (con trai bà Bình, ông Đông) xây dựng và có 01 quán do vợ chồng ông, bà xây dựng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn Đông; thửa đất số 43, tờ bản đồ số 04, diện tích 100m^2 ở thôn Phú Thụ, xã H, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị Bvà thửa đất số 44, tờ bản đồ số 04, diện tích 100m^2 ở thôn Phú Thụ, xã H, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn M (anh trai ông Đông).

Ông Đsử dụng, sở hữu, quản lý: Thửa số đất 95, tờ bản đồ 06 diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 600m^2 trên đất có các tài sản là: 01 nhà cấp 4, 01 giếng đào, tường bao loan; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn Đông.

Sau khi cân đối, các bên không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho nhau.

Về tài sản riêng, công nợ, công sức: Bà Bvà ông Đkhông đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, nH các biên bản trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện nọi dung trình bày:

- Ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông là anh trai ruột ông Nguyễn Văn Đông. Khoảng năm 2003, Nhà nước có bán đất cho các hộ dân có nhu cầu sử dụng, do lúc đó quy định một người không được mua nhiều thửa đất, trong khi đó ông Đbà Bđã đăng ký mua một thửa liền kề. Nên ông Đông, bà Bcó nhờ ông đứng tên mua hộ 100m2 đất số thửa 44 tờ bản đồ số 4 tại khu vực xứ Bồ Chi, thôn Phú Thụ, xã H. Ông chỉ biết đứng tên mua hộ còn giấy tờ liên quan đến thửa đất ông không nắm được. Ông xác định thửa đất là của ông Đông, bà Bình. Nay ông Đbà Bly hôn thì do ông Đbà Btự giải quyết với nhau.

- Bà Ngô Thị T trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Văn M, bà cũng xác định toàn bộ nội dung như ông M trình bày là đúng và bà nhất trí với quan điểm đề nghị của ông M.

- Anh Nguyễn Trung T trình bày: Anh là con trai ông Đbà Bình. Trong quá trình bố, mẹ anh chung sống có tạo lập được các tài sản là đất đai, nhà và các công trình trên đất. Anh xác định đó là tài sản của bố, mẹ anh tạo lập còn anh không có đóng góp gì. Nay nếu bố, mẹ anh ly hôn anh đề nghị chia mỗi người được hưởng một phần đất.

- Anh Nguyễn Trung H trình bày: Anh là con trai ông Đbà Bình, anh xác định toàn bộ nội dung như anh T trình bày là đúng và anh nhất trí với quan điểm đề nghị của anh T.

- Anh Nguyễn Ngọc H trình bày: Anh là con trai ông Đbà Bình. Trong quá trình bố, mẹ anh chung sống có tạo lập được các tài sản là đất đai, nhà và các công trình trên đất. Anh xác định đó là của bố, mẹ anh tạo lập còn anh không có đóng góp gì. Hiện nay vợ chồng anh có làm nhà cấp 4 trên diện tích đất của ông Đông, bà Bình, nếu tòa giải quyết cho ông bà được ly hôn mà ông bà cho vợ chồng anh sử dụng thì anh tiếp tục sử dụng, còn nếu không thì anh trả lại cho ông bà. Anh không xác định được giá trị ngôi nhà.

- Chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị là vợ anh H, chị nhất trí với quan điểm đề nghị của anh H.

- Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã H trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất của gia đình ông Đông, bà Bthửa số 95, tờ bản đồ số 06 và thửa số 454 tờ bản đồ 04 tại thôn Phú Thụ, xã H là do vợ chồng ông Đông, bà Bmua; thửa đất này được UBND huyện Lập Thạch cấp GCNQSD đất mang tên ông Nguyễn Văn Đvới diện tích là 600m^2, trong đó có 200m^2 đất thổ cư và 400m^2 đất vườn; thửa số 454 tờ bản đồ số 04 được UBND huyện Lập Thạch cấp GCNQSD đất mang tên ông Nguyễn Văn Đvới diện tích 217m^2 đất vườn. Sau khi mua vợ chồng ông Đông, bà Bcó làm nhà trên diện tích đất mua, được ông Đbà Bsử dụng trong nhiều năm qua và không có tranh chấp với ai, tuy nhiên theo số liệu đo đạc mới nhất thì diện tích thực tế của thửa đất số 95, tờ bản đồ 06 và thửa đất 454 tờ bản đồ số 04 đều tăng lên so với diện tích thể hiện trong GCNQSD đất, cụ thể: Thửa đất số 95 tờ bản đồ số 06 diện tích thực tế là 863,1m^2 tăng lên 263,1m^2 so với GCNQSD đất; thửa số 454 tờ bản đồ số 04 diện tích thực tế là 370,4m^2 tăng lên 153,4m^2 so với GCNQSD đất.

Trong Bản đồ 299 lưu trữ tại UBND xã H thể hiện thửa đất số 95 tờ bản đồ số 06 chung thửa với đất trường học và trụ sở UBND xã cũ; thửa đất số 454 tờ bản đồ 04 nằm trong khu vực đất 02 lúa, lý do nêu trên là vì thời điểm ông Đông, bà Bmua đất là sau khi bản đồ 299 đã có hiệu lực và sau khi ông Đông, bà Bđược cấp GCNQSD đất thì vẫn chưa chỉnh lý trên bản đồ.

Quan điểm của UBND xã H như sau: UBND xã xác định đất là do ông Đông, bà Bmua và ông Đbà Bđã sử dụng từ nhiều năm nay, do vậy đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật và chỉ phân chia tài sản về đất cho

các bên theo diện tích đã được cấp trong GCNQSD đất, còn lại đối với phần diện tích đất tăng lên so với GCNQSD đất là thuộc quản lý của UBND xã, nên chỉ được phân chia sau khi hộ ông Đbà Bđược cấp GCNQSD đất. Nếu trong quá trình sử dụng đất mà ông Đông, bà Bcó yêu cầu được cấp GCNQSD đất đối với phần diện tích đất tăng lên so với GCNQSD đất thì phải làm làm đơn và phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật thì UBND sẽ xem xét sau.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử cho bà Nguyễn Thị Bđược ly hôn ông Nguyễn Văn Đông.

Về tài sản chung: Chia theo sự thỏa thuận của ông Đvà bà Bình.

Về con chung, tài sản riêng, công sức: Bà Bông Đkhông đề nghị tòa án giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bvà các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp Hôn nhân và gia đình "Ly hôn, tranh chấp về tài sản chung và các quan hệ khác". Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đcó địa chỉ tại xã H, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nH vẫn vắng mặt và một số người có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Cuộc hôn nhân giữa bà Bvà ông Đlà cuộc hôn nhân hợp pháp, xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng tin tưởng nhau, bà Bcho rằng ông Đcó quan hệ bất chính nên từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh, cãi, chửi nhau. Năm 2009, bà Bbỏ sang quán bán hàng ở, vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ cho đến nay. Nay bà Bvà ông Đđều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề tòa

án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của bà Bvà ông Đlà tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên không thống nhất được với nhau được giá trị tài sản, nên Hội đồng xét xử xác định căn cứ vào biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá ngày 31/01/2018 cụ thể như sau:

01 nhà cấp 4 diện tích 74m2 trị giá 40.000.000đ; 01 giếng khơi trị giá 1.500.000đ; tường bao loan dài 122,95m trị giá 15.000.000đ; 863,1 m2 đất (trong đó có 600m2 đã được cấp giấy CNQSDĐ) tại số thửa số 95, tờ bản đồ 06 tại thôn Phú Thụ, xã H, huyện Lập Thạch Trị giá 1.380.960.000đ; 01 quán bán hàng lợp Bloxi măng diện tích 26,67m2 trị giá 20.000.000đ làm trên diện tích đất 370,4m2 (trong đó có 216m2 đã đươc cấp GCNQSDĐ) số thửa 454, tờ bản đồ 04 tại thôn Phú Thụ, xã H, huyện Lập Thạch trị giá 345.600.000đ; thửa đất số 43, tờ bản đồ số 04, diện tích 100m^2 tại thôn Phú Thụ, xã H, huyện Lập Thạch trị giá 160.000.000đ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị Bình; thửa đất số 44, tờ bản đồ số 04, diện tích 100m^2 trị giá 160.000.000đ tại thôn Phú Thụ, xã H, huyện Lập Thạch, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn M (anh trai ông Đông).

Hiện ông Đđang quản lý 01 nhà cấp 4 diện tích 74m2 trị giá 40.000.000đ; 01 giếng khơi trị giá 1.500.000đ; tường bao loan dài 122,95m trị giá 15.000.000đ; 863,1 m2 đất (trong đó có 600m2 đã được cấp giấy CNQSDĐ) tại số thửa số 95, tờ bản đồ 06 tại thôn Phú Thụ, xã H, huyện Lập Thạch Trị giá 1.380.960.000đ. Tổng cộng trị giá tài sản 1.437.460.000đ.

Bà Bđang quản lý 01 quán bán hàng lợp Bloxi măng diện tích 26,67m2 trị giá 20.000.000đ làm trên diện tích đất 370,4m2 (trong đó có 216m2 đã được cấp giấy CNQSDĐ) tại số thửa 454, tờ bản đồ 04 tại thôn Phú Thụ, xã H, huyện Lập Thạch trị giá 592.640.000đ. Tổng cộng là 632.640.000đ;

Còn lại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 04, diện tích 100m^2 tại thôn Phú Thụ, xã H, huyện Lập Thạch trị giá 160.000.000đ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị Bình; thửa đất số 44, tờ bản đồ số 04, diện tích 100m^2 trị giá 160.000.000đ tại thôn Phú Thụ, xã H, huyện Lập Thạch, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn M (anh trai ông Đông) là do vợ chồng cùng quản lý.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đvà bà Bđều thống nhất được với nhau về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng, nH những người có quyền L và nghĩa vụ liên quan không đến tòa làm việc nên không tòa không thể công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. NH xét thấy việc ông Đbà Bđều có quan điểm đề nghị chia đôi toàn bộ số tài sản chung là có căn cứ bởi lẽ số tài sản này được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, các con ông Đbà Bđều xác định không có đóng góp gì vào khối tài sản của ông Đbà Bình. Do vậy, quyền L về tài sản của bà Bvà ông Đđều như nhau.

Xét việc bà Bkhông yêu cầu ông Đphải thanh toán chênh lệch tài sản cho bà là tự nguyện nên được chấp nhận.

Số tiền chi phí cho việc định giá thẩm định tài sản là 1.200.000đ mà bà Bđã nộp. Nay bà tự nguyện chịu toàn bộ số tiền này và không yêu cầu ông Đphải thanh toán cho bà. Xét thấy đề nghị của bà là tự nguyện nên được chấp nhận.

Về con chung, tài sản riêng, công sức: Bà Bông Đkhông đề nghị giải quyết nên nên không xem xét.

Đối với phần đất ông Đông, bà Bđang sử dụng vượt so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Đbà Bđều sử dụng ổn định từ nhiều năm nay không có tranh chấp gì. Xét thấy đề nghị của UBND xã H là có căn cứ, nếu sau này ông Đbà Bmà có nhu cầu sử dụng đất thì phải liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, làm đơn và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Blà người cao tuổi và đã có đơn đề nghị xin miễn án phí, xét thấy yêu cầu của bà Blà có căn cứ quy định tại điểm d Điều 10 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được chấp nhận. Đối với ông Nguyễn Văn Đmặc dù đã được thông báo hợp lệ để ông làm đơn đề nghị miễn án phí, nH ông Đkhông chấp hành. Do vậy ông Đvẫn phải chịu án phí giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Cho bà Nguyễn Thị Bđược ly hôn ông Nguyễn Văn Đông.

Giao cho ông Nguyễn Văn Đquản lý, sử dụng 01 nhà cấp 4 diện tích 74m2 trị giá 40.000.000đ; 01 giếng khơi trị giá 1.500.000đ; tường bao loan dài 122,95m trị giá 15.000.000đ; 600m2 đất đã được cấp giấy CNQSDĐ và tạm giao cho ông Đquản lý, sử dụng 263,1m2 đất chưa được cấp giấy CNQSDĐ tại thửa số 95, tờ bản đồ 06 tại thôn Phú Thụ, xã H, huyện Lập Thạch Trị giá 1.380.960.000đ. Tổng cộng trị giá tài sản 1.437.460.000đ.

Giao cho bà Nguyễn Thị Bquản lý, sử dụng 01 quán bán hàng lợp Bloxi măng diện tích 26,67m2 trị giá 20.000.000đ; 216m2 đất đã được cấp GCNQSDĐ và tạm giao cho bà Bquản lý, sử dụng 154,4m2 đất chưa được cấp giấy CNQSDĐ tại thửa số 454, tờ bản đồ 04 tại thôn Phú Thụ, xã H, huyện Lập Thạch trị giá 592.640.000đ; thửa đất số 43, tờ bản đồ số 04, diện tích 100m^2 tại thôn Phú Thụ,

xã H, huyện Lập Thạch trị giá 160.000.000đ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị Bình; thửa đất số 44, tờ bản đồ số 04, diện tích 100m^2 trị giá 160.000.000đ tại thôn Phú Thụ, xã H, huyện Lập Thạch, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn M (anh trai ông Đông). Tổng cộng trị giá trài sản 932.640.000đ.

Ông Đkhông phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bà Bình

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về con chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Bà Bông Đkhông đề nghị giải quyết nên nên không xem xét.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí giá nghạch tài sản cho bà Nguyễn Thị Bình. Trả lại cho bà Bsố tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0001361 ngày 11/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 52.749.200đ án phí giá nghạch theo kỷ phần tài sản được hưởng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án, các đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND nơi cư trú cuối cùng của người vắng mặt.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lập Thạch;
- THADS huyện Lập Thạch;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

Trần Hữu Lực